

Nghiên cứu thực trạng và nhu cầu phát triển thể thao chuyên nghiệp ở Việt Nam

GS.TS. Lâm Quang Thành; TS. Nguyễn Thanh Bình; ThS. Nguyễn Thị Quỳnh Mai

TÓM TẮT:

Đánh giá thực trạng và nhu cầu phát triển thể thao chuyên nghiệp (TTCN) ở Việt Nam đã đưa ra những phân tích mang tính khoa học, hệ thống và toàn diện về thực trạng phát triển các môn thể thao thành tích cao (TTTTTC) và TTCN thông qua các hình thức đầu tư; nhu cầu phát triển TTCN thông qua các khảo sát về định hướng phát triển các môn thể thao, các mô hình chuyển đổi và các chính sách đối với tổ chức hoạt động của các môn TTCN.

Từ khóa: thực trạng, nhu cầu, phát triển, thể thao chuyên nghiệp.

ABSTRACT:

Assessing the current status and development needs of professional sport in Vietnam has given the scientific, systematic and comprehensive analysis of the current development status of professional and elite sports by investment forms; needs for developing the professional sport through surveys on the orientation of developing sports, transformation models and policies for operating of professional sports.

Keywords: status, needs, development, professional sport.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

TTCN bước đầu được hình thành ở nước ta, tạo điều kiện để nâng cao chất lượng TTTTC cũng như nâng cao chất lượng công tác tổ chức, điều hành các môn thể thao ở cấp quốc gia, trọng tâm là quản lý và điều hành các câu lạc bộ (CLB) thể thao và các giải TTTTC theo cơ chế chuyên nghiệp. Các quy định của luật thể dục, thể thao (TD, TT) đã khẳng định TTCN là hoạt động nghề nghiệp hướng tới mục đích nâng cao trình độ thể thao, đồng thời tạo nguồn thu nhập cho các CLB và các vận động viên (VĐV) chuyên nghiệp. Phát triển TTCN là xu thế tất yếu trên thế giới, bởi chỉ áp dụng cơ chế điều hành chuyên nghiệp phù hợp cơ chế kinh tế mới có thể xây dựng một nền thể thao phát triển ở trình độ cao.

Nghị quyết 08 - NQ/TW ngày 01 tháng 12 năm 2011 của Ban chấp hành trung ương Đảng đã nêu rõ nhiệm vụ: “Đổi mới tổ chức, quản lý thể thao thành tích cao theo hướng chuyên nghiệp phù hợp với đặc điểm của từng môn và từng địa phương”. Quyết định 2198/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt “Chiến lược phát triển TD, TT Việt Nam đến năm 2020, định hướng 2030” đặt ra nhiệm vụ “Ban hành chính sách khuyến khích tổ chức, cá nhân thành lập CLB TTCN và tổ chức các giải TTCN; ban hành các quy định khuyến khích hoạt động tài trợ và kinh doanh dịch vụ thi đấu TTCN; tiến hành thành lập CLB TTCN và tổ chức các giải TTCN đối với các môn: Bóng chuyền, Quần vợt, Golf...”. Quyết định số 2160/QĐ-TTg ngày

11/11/2013 về việc phê duyệt “Quy hoạch phát triển TD, TT Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030” đã nêu rõ quan điểm: “Quy hoạch phát triển TD, TT một cách hài hòa giữa các đối tượng, phù hợp với các vùng, miền trong cả nước; giữa phát triển TD, TT cho mọi người với TTTTC và TTCN” và đặt ra giải pháp thực hiện: “Đẩy mạnh xã hội hóa nhằm huy động mọi nguồn lực trong xã hội đầu tư cho phát triển TD, TT, trong đó chú trọng đầu tư phát triển TD, TT quần chúng, TTTTC và TTCN... Tăng cường phát triển kinh tế thể thao, xác định rõ các lĩnh vực hoạt động kinh doanh TD, TT, thúc đẩy hoạt động kinh doanh TTCN”.

Tính đến thời điểm hiện tại, mô hình TTCN về mặt pháp lý và thực hành mới chỉ có bóng đá; các môn thể thao như Bóng chuyền, Quần vợt, Golf và một số môn khác như Bóng rổ, Xe đạp, Bóng bàn... mới chỉ đang trong quá trình chuyển lên chuyên nghiệp. Việc thí điểm áp dụng quy chế bóng đá chuyên nghiệp đã tạo ra nhiều chuyển biến tích cực trong quản lý, điều hành và tổ chức hoạt động bóng đá nói riêng và các môn thể thao nói chung ở nước ta.

Trên cơ sở thực tiễn và các định hướng của Đảng và Nhà nước về phát triển TTCN như đã nêu trên, nghiên cứu thực trạng và nhu cầu phát triển TTCN ở Việt Nam là rất cần thiết, góp phần giải quyết những vấn đề thực tiễn trong phát triển TTCN ở Việt Nam, đồng thời là cơ sở cho ngành thể dục thể thao (TĐTT) tham khảo để đổi mới cơ chế quản lý, chính sách trong xã hội hóa, chuyên nghiệp hóa các môn thể thao.

Các phương pháp được sử dụng trong nghiên cứu gồm: phương pháp tổng hợp và phân tích tài liệu, điều tra xã hội học và toán học thống kê.

2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

2.1. Thực trạng phát triển các môn TTTTC và TTCN

2.1.1. Thực trạng phát triển các môn thể thao theo hình thức đầu tư

Kết quả khảo sát thực trạng các môn TTTTC và TTCN thông qua các hình thức đầu tư ở các địa phương thành phố (TP) Hà Nội, TP Hồ Chí Minh, TP Đà Nẵng, TP Hải Phòng, TP Cần Thơ và các tỉnh Bình Dương, Khánh Hòa, Nghệ An, Thanh Hóa và Quảng Ninh cho thấy:

- Đối với các môn thể thao Olympic:

+ Có 16/28 môn thể thao chiếm tỷ lệ 57% do nhà nước đầu tư chính, có sự hỗ trợ hoặc tài trợ từ xã hội (các đơn vị kinh tế, cá nhân, liên đoàn, hiệp hội...) gồm: Bắn cung, Bắn súng, Bóng bàn, Bóng ném, Boxing, Canoeing - Kayak, Cầu lông, Cử tạ, Đấu kiếm, Điền kinh, Judo, Rowing, Taekwondo, thể thao dưới nước (bơi, nhảy cầu, bơi nghệ thuật, bóng nước), thể dục (TDDC, TDNT, TDNL) và vật.

+ Có 4 môn thể thao do xã hội đầu tư chính, nhà nước hỗ trợ, chiếm tỷ lệ 14% gồm: Bóng chuyền, Bóng rổ, Quần vợt, Xe đạp.

+ Có 5 môn thể thao xã hội đầu tư, chiếm tỷ lệ 18% gồm: Bóng đá, Bóng chày, Hockey trên cỏ, Thuyền buồm và Triathlon.

+ Có 3 môn thể thao Olympic hiện nay chưa được đầu tư hoặc chỉ mới bắt đầu có dự án đầu tư ở Việt Nam gồm: Bóng mềm, Cưỡi ngựa và 5 môn phối hợp hiện đại (Modern Pentathlon) chiếm tỷ lệ 11%.

- Đối với các môn thể thao không nằm trong chương trình thi đấu olympic (gọi tắt là môn thể thao

ngoài Olympic):

Các môn thể thao ngoài Olympic được đầu tư mang tính truyền thống địa phương và chuẩn bị cho thi đấu SEA Games, ASIAD và các giải thi đấu quốc tế. Qua khảo sát có 19 môn thể thao được đầu tư theo các hình thức sau:

+ Có 16/19 môn thể thao do nhà nước đầu tư là chính và có sự hỗ trợ, tài trợ từ xã hội: Aerobic, Billard, Cầu mây, Cờ, Đá cầu, Karate, Khiêu vũ thể thao, Kickboxing, Lặn, muay, Pencak silat, Petanque, Thể dục thể hình, Võ cổ truyền, Vovinam và Wushu.

+ Có 3/19 môn thể thao do xã hội đầu tư chính là Bowling, Golf và Futsal.

Từ kết quả khảo trên cho thấy các địa phương đang đầu tư phát triển 47 môn thể thao Olympic và ngoài Olympic; các hình thức đầu tư vẫn do nhà nước đầu tư là chính và ở mức độ nhất định, các môn thể thao này có sự hỗ trợ, tài trợ của xã hội thông qua liên đoàn, hiệp hội thể thao, các đơn vị kinh tế (doanh nghiệp) hoặc tư nhân. Các môn thể thao hiện nay do xã hội bắt đầu đầu tư và nhà nước hỗ trợ hoặc xã hội đầu tư chính chiếm tỷ lệ rất ít 11% và 18%. (bảng 1).

2.1.2. Thực trạng các môn thể thao được xã hội đầu tư theo định hướng chuyên nghiệp

- Bóng đá chuyên nghiệp đến năm 2017 đã qua 17 năm vận hành theo cơ chế chuyên nghiệp. Hệ thống CLB, giải thi đấu bóng đá chuyên nghiệp là bộ phận chính cấu thành bóng đá chuyên nghiệp; trong mỗi bộ phận có nhiều nội dung tiêu chí tương xứng với yêu cầu đặc trưng của TTCN, trước hết đó là mọi hoạt động của bóng đá chuyên nghiệp là tổ chức sản xuất cung ứng dịch vụ thi đấu bóng đá nhằm thoả mãn nhu cầu giải trí của người hâm mộ ngày càng cao qua đó thu được lợi nhuận và tình yêu của khán giả để đảm bảo cho hoạt động bóng đá chuyên nghiệp; tuy nhiên cũng bộc lộ những tồn tại, bất cập cả về lý luận và thực tiễn. Bóng đá sân nhỏ trong nhà (futsal) mới

Bảng 1. Tỷ lệ về hình thức đầu tư các môn thể thao

Các môn thể thao	Nhà nước đầu tư chính, có sự hỗ trợ, tài trợ từ xã hội		Xã hội đầu tư chính, có sự hỗ trợ, tài trợ từ nhà nước		Xã hội đầu tư chính		Không có đầu tư	
	Số môn thể thao	Tỷ lệ (%)	Số môn thể thao	Tỷ lệ (%)	Số môn thể thao	Tỷ lệ (%)	Số môn thể thao	Tỷ lệ (%)
Các môn thể thao Olympic (28 môn thể thao)	16	57	4	14	5	18	3	11
Các môn thể thao không nằm trong chương trình thi đấu Olympic (19 môn thể thao)	16	84	-	-	3	18	-	-
Tổng kết của các môn thể thao (47 môn thể thao)	32	68	4	8,5	8	17	3	

được xây dựng phát triển vài năm theo con đường chuyên nghiệp do các doanh nghiệp đầu tư đã nhanh chóng tiếp cận trình độ Đông Nam Á và đã tham dự vòng chung kết giải Futsal thế giới là rất ấn tượng. Bóng đá nữ nước ta chưa vận hành theo cơ chế thể thao chuyên nghiệp nhưng đã 5 lần vô địch SEA Games là thành tích xuất sắc của thể thao Việt Nam nước, chứng minh quan điểm chuyên nghiệp do nhà nước liên kết đầu tư đã phát huy tác dụng trong trường hợp này.

- Bóng chuyền: môn thể thao thứ hai tổ chức vận hành theo định hướng chuyên nghiệp là Bóng chuyền nam và nữ. Trong 12 CLB bóng chuyền nam dự giải các đội mạnh toàn quốc thì có 5 CLB thuộc quân đội; các CLB còn lại do các doanh nghiệp đầu tư có sự hỗ trợ kinh phí của các địa phương. 12 CLB bóng chuyền nữ vẫn còn thuộc quản lý của tổ chức nhà nước, cơ

quan TDTT địa phương nhưng được các doanh nghiệp, đơn vị kinh tế tài trợ và gắn tên thương hiệu với các CLB. Quy chế chuyên nghiệp trong môn bóng chuyền chưa chính thức nên chỉ mới bước đầu phát triển theo định hướng chuyên nghiệp.

- Bóng rổ: môn thể thao thứ ba xây dựng theo cơ chế chuyên nghiệp là Bóng rổ nam. Khởi đầu là Đội Saigon Heat dự giải bóng rổ nhà nghề Đông Nam Á (ABL) từ năm 2012; đội Hanoi Buffaloes đã tham gia Giải bóng rổ chuyên nghiệp Thái Lan (TBSL) đã tạo ra môi trường bóng rổ chuyên nghiệp Việt Nam tiếp cận với trình độ khu vực và Châu Á. Hiện nay giải bóng rổ chuyên nghiệp Việt Nam (VBL) có 6 đội tham dự. Trên cơ sở Điều lệ của Liên đoàn Bóng rổ Việt Nam (sửa đổi, bổ sung) được Bộ Nội vụ phê duyệt năm 2016 đã quy định một số điều cơ bản về tổ chức và hoạt động bóng rổ chuyên nghiệp.

Bảng 2. Kết quả khảo sát về định hướng quản lý đầu tư các môn thể thao Olympic (n = 96)

TT	Môn thể thao	Hình thức quản lý đầu tư							
		Nhà nước quản lý đầu tư		Nhà nước hỗ trợ kinh phí đầu tư		Giao cho liên đoàn, hiệp hội đầu tư		Doanh nghiệp đầu tư	
		n	Tỷ lệ %	n	Tỷ lệ %	n	Tỷ lệ %	n	Tỷ lệ %
1	Bắn cung	45	46,9	34	35,4	12	12,5	5	5,2
2	Bắn súng	61	63,5	25	26,0	6	6,3	4	4,2
3	Bóng bàn	15	15,6	31	32,3	39	40,6	11	11,5
4	Bóng chày	2	2,1	14	14,6	29	30,2	51	53,1
5	Bóng chuyền (trong nhà, bãi biển)	10	10,4	15	15,6	33	34,4	38	39,6
6	Bóng đá	5	5,2	4	4,2	24	25,0	63	65,6
7	Bóng ném	15	15,6	11	11,5	36	37,5	34	35,4
8	Bóng mềm	7	7,3	11	11,5	27	28,1	51	53,1
9	Bóng rổ	7	7,3	11	11,5	37	38,5	41	42,7
10	Boxing	29	30,2	27	28,1	32	33,3	8	8,3
11	Canoeing - Kayak	38	39,6	19	19,8	25	26,0	14	14,6
12	Cầu lông	12	12,5	28	29,2	45	46,9	11	11,5
13	Cử tạ	59	61,5	31	32,3	6	6,3	-	-
14	Cưỡi ngựa	4	4,2	9	9,4	24	25,0	59	61,5
15	Đấu kiếm	53	55,2	27	28,1	12	12,5	4	4,2
16	Điện kinh	72	75,0	14	14,6	8	8,3	2	2,1
17	Hockey trên cỏ	2	2,1	16	16,7	36	37,5	42	43,8
18	Judo	44	45,8	39	40,6	13	13,5		
19	Quần vợt	9	9,4	20	20,8	32	33,3	35	36,5
20	Rowing	39	40,6	41	42,7	12	12,5	4	4,2
21	Taekwondo	41	42,7	42	43,8	13	13,5		
22	Thể thao dưới nước (bơi, nhảy cầu, bóng nước)	64	66,7	16	16,7	12	12,5	4	4,2
23	Thể dục (TDDC, TDNT, TDNL)	59	61,5	29	30,2	4	4,2	4	4,2
24	Thuyền buồm	14	14,6	17	17,7	22	22,9	43	44,8
25	Triathlon	10	10,4	16	16,7	27	28,1	43	44,8
26	Vật	47	49,0	28	29,2	19	19,8	2	2,1
27	Xe đạp (đường trường, lòng chảo)	12	12,5	37	38,5	32	33,3	15	15,6
28	5 môn phối hợp hiện đại (modern pentathlon)	12	12,5	16	16,7	27	28,1	41	42,7

- TTCN ở một số môn khác:

TTCN ở nước ta được hình thành và từng bước phát triển theo quá trình doanh nghiệp hóa tổ chức quản lý TTTTC để từng bước trở thành các thực thể kinh tế thể thao. Chính sách xã hội hóa của Đảng, Nhà nước đã mở ra những cánh cửa để các doanh nghiệp, các tập đoàn kinh tế đầu tư, tài trợ nuôi dưỡng thể thao đỉnh cao theo con đường chuyên nghiệp. Hầu hết các VĐV đội tuyển quốc gia tham gia SEA Games và các giải vô địch ở Đông nam Á, Châu Á, Thế giới đều có chế độ nuôi dưỡng, chế độ tính công lao động, chế độ tiền thưởng theo quy định của Chính phủ. Thu nhập nhìn chung đã cao hơn nhiều so với các ngành sản xuất trong xã hội. Các VĐV đều ký hợp đồng tập luyện và thi đấu thể thao; được bảo hiểm nghề nghiệp, bảo hiểm xã hội... VĐV một số môn thể thao được tài trợ từ doanh nghiệp góp thêm vào kinh phí nhà nước để tập luyện và thi đấu đỉnh cao, tạo được thu nhập cao từ tài trợ thông qua hợp đồng trách nhiệm và nghĩa vụ quảng cáo thương hiệu nhà tài trợ như xe đạp, quần vợt, bóng bàn, cầu lông...

2.2. Nhu cầu phát triển thể thao chuyên nghiệp

2.2.1. Nhu cầu phát triển các môn thể thao Olympic theo định hướng quản lý đầu tư

Kết quả khảo sát và trưng cầu ý kiến các nhà chuyên môn, nhà quản lý, nhà khoa học (n=96) về nhu cầu phát triển 28 thể thao Olympic theo định

hướng quản lý đầu tư được tổng hợp trong bảng 2.

Kết quả khảo sát cho thấy:

- Nhóm môn thể thao có tỷ lệ cao theo hình thức do nhà nước quản lý, đầu tư chính, gồm: Bắn súng (63,5%), Cử tạ (61,5%); Đấu kiếm (55,2%); Điền kinh (75%); Thể thao dưới nước (66,7%); Thể dục dụng cụ (61,5%).

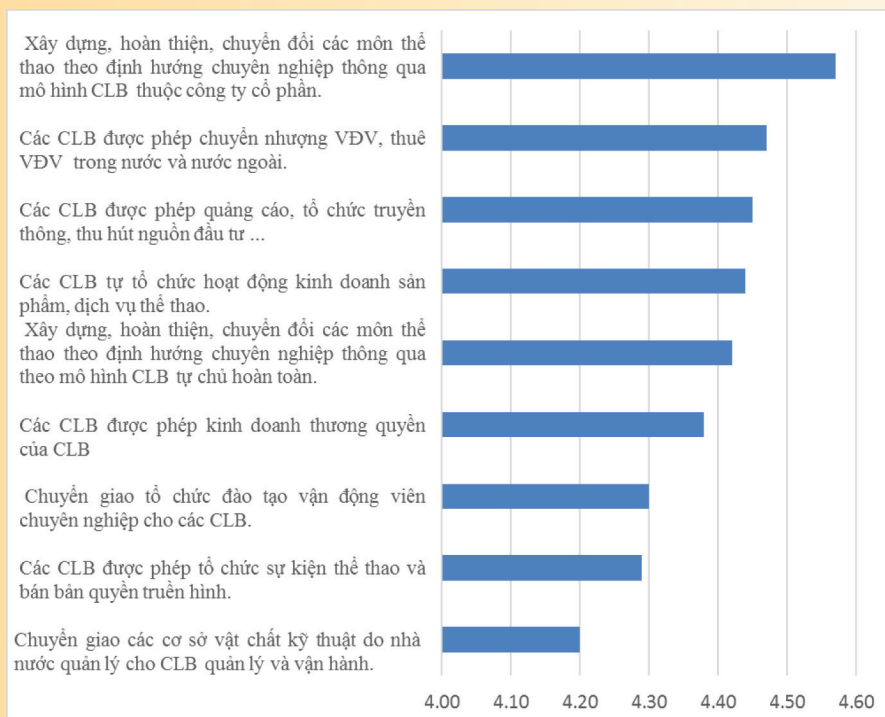
- Nhóm môn thể thao có tỷ lệ cao ở hình thức liên kết đầu tư của nhà nước và xã hội, gồm: Bắn cung (46,9% và 35,4%), Canoeing (39,6% và 19,8%), Rowing (40,6% và 42,7%), Taekwondo (42,7% và 43,8%), Judo (45,8% và 40,6%), Vật (49% và 29,2%).

- Nhóm môn thể thao có tỷ lệ cao ở hai hình thức giao cho liên đoàn, hiệp hội thể thao đầu tư, nhà nước hỗ trợ, gồm: Bóng bàn (40,6% và 32,3%), Boxing (33,3% và 28,1%), Cầu lông (46,9% và 29,2%), Xe đạp (33,3% và 38,5%).

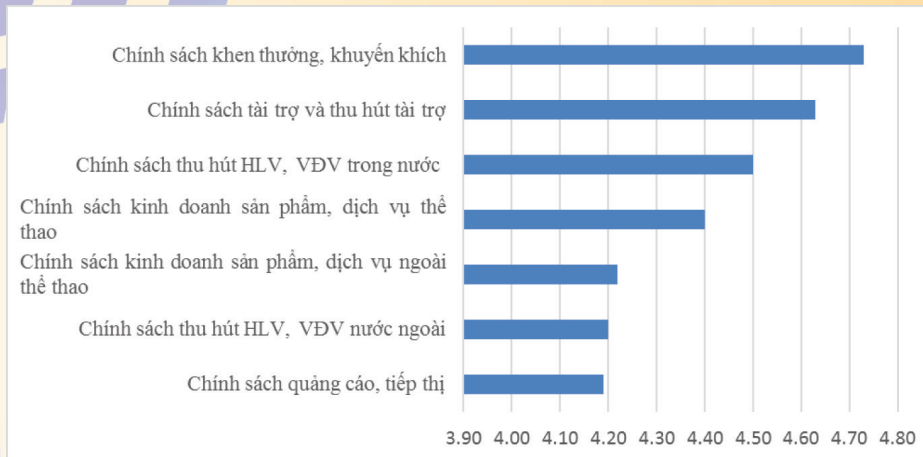
- Nhóm môn có tỷ lệ cao theo hình thức giao cho liên đoàn, hiệp hội thể thao và doanh nghiệp đầu tư gồm: Bóng đá (25% và 65,6%); Bóng chuyền (34,4% và 39,6%); Bóng rổ (38,5% và 42,7%); Quần vợt (33,3% và 36,5%); Thuyền buồm (22,9% và 44,8%); Bóng ném (37,5% và 35,4%).

- Nhóm môn Olympic mới phát triển ở Việt Nam được giao cho xã hội và doanh nghiệp đầu tư gồm: Bóng chày, Cưỡi ngựa, Hockey trên cỏ, Triathlon, Modern pentathlon.

- Đối với nhóm môn ngoài Olympic, kết quả khảo



Biểu đồ 1. Nhu cầu về tổ chức và nội dung hoạt động của các CLB TTCN



Biểu đồ 2. Nhu cầu về chính sách đối với tổ chức hoạt động của các CLB TTCN

sát cho thấy chỉ có 3 môn thể thao được đề xuất nhà nước đầu tư chính gồm: Karatedo, Wushu và nhóm môn Cờ; các môn hiện nay do nhà nước quản lý đầu tư là chính được đề xuất chuyển dần cho liên đoàn, hiệp hội thể thao, các doanh nghiệp, tư nhân đầu tư và có sự hỗ trợ của nhà nước gồm: Aerobic, Billard, Cầu mây, Đá cầu, Kickboxing, Lặn, Muay, Pencak silat, Petangue, Thể dục thể hình, Võ cổ truyền, Vovinam; có 3 môn do xã hội doanh nghiệp đầu tư là: Golf, Bowling, Futsal.

2.2.2. Nhu cầu về định hướng tổ chức và nội dung hoạt động theo cơ chế chuyên nghiệp

Kết quả khảo sát cho thấy các định hướng tổ chức và nội dung hoạt động theo cơ chế chuyên nghiệp được đồng thuận cao qua phỏng vấn chuyên gia (n = 96) theo thang đo likert và đạt mức từ 4,20 đến 4,57 được trình bày theo thứ tự ưu tiên từ cao đến thấp ở biểu đồ 1.

2.2.3. Nhu cầu về chính sách đối với tổ chức hoạt động của các CLB TTCN

Kết quả khảo sát cho thấy các chính sách cần thiết

cho hoạt động của các CLB TTCN được thể hiện ở biểu đồ 2 theo thứ tự ưu tiên từ cao đến thấp.

3. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu thực trạng phát triển TTCN ở Việt Nam cho thấy có 32 môn thể thao (16 môn thể thao Olympic và 16 môn thể thao ngoài Olympic) do nhà nước đầu tư là chính và có sự hỗ trợ, tài trợ của xã hội; môn thể thao vận hành theo cơ chế chuyên nghiệp chỉ có môn Bóng đá; các môn thể thao bước đầu phát triển theo định hướng chuyên nghiệp gồm Bóng chuyên, Bóng rổ, Quần vợt, Xe đạp, Golf... Kết quả nghiên cứu về nhu cầu phát triển các môn TTCN theo hình thức đầu tư cho thấy xu thế xã hội hóa các môn thể thao để từng bước chuyển đổi sang cơ chế chuyên nghiệp; nhu cầu cần thiết chuyển đổi tổ chức, nội dung hoạt động và các chính sách là cơ sở thực tiễn để tham khảo cho xây dựng mô hình quản lý và phát triển TTCN ở Việt Nam, phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội và theo xu thế hội nhập quốc tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quyết định số 2198/QĐ-TTg ngày 3/12/2010 về việc phê duyệt “Chiến lược phát triển TD, TT Việt Nam đến năm 2020”.
2. Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 1/12/2011 “Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ về TD, TT đến năm 2020”.
3. Dương Nghiệp Chí, Lâm Quang Thành và các cộng sự (2014), *Lý luận TTTTC*, Nxb TDĐT.
4. Lâm Quang Thành (2017), *Quản lý TDĐT - Khoa học và thực tiễn*, Nxb TDĐT, Hà Nội.
5. Phạm Ngọc Viễn (2013), *Giải pháp để phát triển thể thao chuyên nghiệp*, Kỷ yếu Hội thảo về kinh tế thể thao, Đại học TDĐT Bắc Ninh.

Nguồn bài báo: *Kết quả nghiên cứu đề tài khoa học cấp Bộ “Nghiên cứu xây dựng mô hình quản lý TTCN ở Việt Nam phù hợp với xu thế hội nhập quốc tế”*, Viện Khoa học TDĐT, năm 2018.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 29/9/2018; ngày phản biện đánh giá: 12/11/2018; ngày chấp nhận đăng: 18/12/2018)